

NHỮNG MONG MUỐN, NGUYỆN VỌNG CỦA TRÍ THỨC LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌ

Nguyễn Thị Phương Hoa

Viện Tâm lý học.

TÓM TẮT

Hiện nay, những mong muốn, ước nguyện của trí thức chủ yếu liên quan đến công việc và xoay quanh vấn đề thu nhập, đãi ngộ và điều kiện làm việc. Nhìn chung, trí thức Việt Nam đều mong muốn có thể kiếm sống bằng chuyên môn của mình. Tuy nhiên, ở mỗi độ tuổi, những trí thức có những ước nguyện khác nhau. Đối với trí thức trẻ, đảm bảo thu nhập và cuộc sống là mong muốn lớn nhất. Trong khi đó, đối với nhóm trí thức lớn tuổi hơn, điều kiện làm việc tốt còn cần thiết hơn.

Khi tìm hiểu một đối tượng nào đó, người ta thường muốn biết tâm tư nguyện vọng của đối tượng đó. Mong muốn, nguyện vọng thường là những điều muốn có nhưng chưa đạt được. Để có thể thúc đẩy trí thức làm việc một cách hiệu quả, chúng ta không thể bỏ qua việc tìm hiểu những mong muốn, nguyện vọng của họ. Mong muốn, nguyện vọng liên quan đến hoạt động nghề nghiệp của trí thức là một nội dung quan trọng mà các nghiên cứu gần đây của Viện Tâm lý học quan tâm.

Những số liệu trong bảng dưới đây cho thấy, những ước nguyện mà người trí thức muốn đạt được trong vòng ba năm tiếp theo. Những ước nguyện được trình bày trong bảng hoàn toàn do những người tham gia trả lời tự nêu ra (câu hỏi mở). Có thể thấy, chúng rất đa dạng. Tuy nhiên, các số liệu đã được xử lý cho thấy, chỉ có một số nội dung có số lượng người mong muốn khá tập trung.

Bảng 1: Ba ước nguyện mong muốn đạt được nhất trong vòng 3 năm tới của trí thức (% số người mong muốn)

Các ước nguyện	Ước nguyện 1	Ước nguyện 2	Ước nguyện 3	% tổng lượt
1. Đạt được mục tiêu chung của bản thân	15,3	9,3	4,8	29,4
2. Đạt được mục tiêu cụ thể của bản thân	15,9	14,3	10,5	40,7
3. Đảm bảo thu nhập và đời sống	19,2	18,9	16,7	54,8
4. Điều kiện làm việc tốt	15,2	22,0	22,7	59,9
5. Đóng góp công sức mình cho xã hội	2,0	0,8	4,2	7,0
6. Chính sách giáo dục và đào tạo được cải thiện	1,2	2,6	1,7	5,5
7. Có sức khoẻ (gia đình và bản thân)	1,2	1,0	1,3	3,5
8. Lãnh đạo tốt, biết sử dụng người	0,5	0,6	1,3	2,4
9. Áp dụng tốt các thành tựu khoa học kỹ thuật vào cuộc sống	0,6	0,8	0,7	2,1
10. Đất nước phát triển	5,0	3,4	3,8	12,2
11. Nhà nước có chính sách đãi ngộ thoả đáng đối với trí thức	15,5	10,7	10,5	36,7
12. Cuộc sống gia đình hạnh phúc	1,1	3,4	5,4	9,9
13. Môi trường làm việc thông thoáng, đảm bảo tự do tư tưởng, thúc đẩy trí thức sáng tạo	2,8	2,6	3,0	8,4
14. Xã hội lành mạnh, công bằng, chênh lệch giàu, nghèo thấp	2,6	5,6	7,2	15,4
15. Cơ quan phát triển	0,3	0,6	2,0	2,9
16. Các chính sách xã hội khác	1,2	3,0	3,0	7,2
17. Tự ý thức trách nhiệm của trí thức được nâng cao	0,3	0,5	1,0	1,8
	100,0	100,0	100,0	

Đó là những nội dung sau đây:

- Có điều kiện làm việc tốt: 59,9% lượt người đề xuất như một trong ba điều mong muốn nhất.

- Đảm bảo thu nhập và đời sống: 54,9% lượt người đề xuất như một trong ba điều mong muốn nhất.

- Đạt được mục tiêu cụ thể của bản thân: 40,7%.

- Nhà nước có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với trí thức: 36,7%.

- Đạt được mục tiêu chung của bản thân: 29,4%.

- Ngoài ra có hai nội dung được hơn 1/10 số người đề xuất, đó là những nội dung liên quan đến đất nước, xã hội:

- Xã hội lành mạnh, công bằng, chênh lệch giàu nghèo thấp: 15,4%.

- Đất nước phát triển: 12,2%.

Tất cả các nội dung còn lại đều chỉ có dưới 1/10 số người đề xuất.

Có thể thấy rằng, những nội dung được nhiều người mong muốn đều là những gì liên quan mật thiết đến lợi ích (cả vật chất và tinh thần) thiết thực của bản thân người trí thức, đó là những điều kiện đảm bảo cuộc sống thường ngày, điều kiện làm việc và những mục tiêu của cuộc sống cá nhân họ. Điều này cho thấy, điều kiện cuộc sống và điều kiện làm việc của không ít trí thức hiện nay còn khó khăn và điều đó làm cho họ phải trăn trở hàng ngày.

Trong số những ước nguyện có nội dung nêu trên thì dù mong muốn về điều kiện làm việc có số lượt người đề xuất cao nhất, song mong muốn đảm bảo được thu nhập và đời sống lại là ước nguyện có nhiều người xem là điều mong muốn được ưu tiên nhất (19,2% tỷ lệ % có giá trị cao nhất trong ước nguyện thứ nhất).

Vì vậy, sau đây chúng tôi sẽ tập trung trình bày về hai nhóm nguyện vọng lớn nhất của trí thức: đó là nguyện vọng liên quan đến thu nhập, đời sống và nhóm nguyện vọng liên quan đến môi trường, điều kiện làm việc của trí thức.

1. Mong muốn/nguyện vọng đảm bảo thu nhập và cuộc sống

Trên thực tế, phần lớn trí thức nước ta làm trong các cơ quan Nhà nước. Vì vậy, thu nhập của họ phụ thuộc rất nhiều vào các chính sách đãi ngộ của Nhà nước đối với trí thức. Tuy nhiên, chính sách đãi ngộ trí thức hiện nay là một vấn đề vô cùng bức xúc. Kết quả khảo sát định lượng cho thấy, hầu hết trí thức trong nghiên cứu này cho rằng, chế độ đãi ngộ chưa thỏa đáng, thu nhập từ nghề không đảm bảo cho cuộc sống thường ngày của trí thức. Để tăng thu nhập, nhiều trí thức phải làm thêm hoặc chuyển chỗ làm, dẫn đến các hiện tượng “chân trong chân ngoài”, “chân ngoài dài hơn chân trong”, “chảy máu

chất xám”... Cũng vì mưu sinh, dù không muốn, trí thức vẫn phải chấp nhận làm thêm hoặc chuyển sang làm những việc không đúng chuyên môn được đào tạo.

Điều được nhiều trí thức mong muốn nhất là có thể đảm bảo và cải thiện cuộc sống bằng chính công việc chuyên môn của mình. Đó là một mong muốn chính đáng từ rất lâu của trí thức (Nguyễn Thị Hoa, 2005 và Lã Thị Thu Thủy, 2006).

Mặc dù, chính sách lương của Nhà nước đối với trí thức - cán bộ trong thời gian qua đã được cải thiện song vẫn chưa đảm bảo cho cuộc sống cá nhân của họ. Vì vậy, *trí thức vẫn cho rằng chính sách đãi ngộ cần tiếp tục thay đổi cho phù hợp với cuộc sống và sự cống hiến của họ.*

“Người trí thức tự trọng không muốn có một sự đãi ngộ nào đặc biệt ngoài đồng lương cho phép họ yên tâm nuôi gia đình và làm việc... Nhưng phải làm thế nào cho trí thức khỏi bươn chải. Bây giờ trí thức của ta đang phải bươn chải kiếm sống, nuôi gia đình” (N.H.Đ., nam trí thức quản lý, 70 tuổi).

Thực trạng đời sống của trí thức nước ta hiện nay còn nhiều khó khăn có thể là do giá trị của các sản phẩm trí thức chưa thật sự được xã hội coi trọng, thang giá trị của trí thức và trí thức ở nước ta hiện nay vẫn đang lờ mờ được hiểu khi thì theo nghĩa của Khổng giáo, khi thì theo nghĩa của kinh tế bao cấp (Đặng Hùng Võ, 2009). Nếu chúng ta không thay đổi nhận thức về vấn đề này thì khó có những thay đổi căn bản trong đời sống của những người trí thức chân chính. Những người quản lý và sử dụng trí thức nên có cách hiểu rằng: *“Đãi ngộ trí thức cũng là điều cần, vì xét đến cùng, sự đãi ngộ đó là vì lợi ích của đất nước, lợi ích của nhân dân, vì sự “đãi ngộ” xứng đáng là một cách tỏ rõ thái độ trân trọng trí thức của nhà cầm quyền, của xã hội, điều đó sẽ động viên người trí thức cống hiến hết sức mình”* (trí thức, nghiên cứu KHXH, hơn 70 tuổi).

Tóm lại, trí thức Việt Nam mong muốn có thể kiếm sống bằng chuyên môn của mình, thu nhập từ hoạt động nghề có thể trang trải cho cuộc sống cá nhân để họ có thể yên tâm làm việc. Mong muốn này không thể thực hiện được nếu thiếu sự quan tâm từ phía Nhà nước, thể hiện qua chế độ đãi ngộ, chính sách lương...

2. Những mong muốn/nguyện vọng liên quan đến điều kiện làm việc

Về các điều kiện làm việc của trí thức, chúng tôi thấy nổi lên một số vấn đề như sau:

2.1. Mong muốn về cơ chế tuyển dụng, quản lý, sử dụng trí thức

Cách quản lý hiện nay của các cơ quan Nhà nước đối với hoạt động nghề của trí thức còn nhiều bất cập. Do đó, *trí thức mong muốn cơ chế tuyển*

dụng, quản lý, sử dụng cán bộ cần thay đổi. Nhìn chung, trí thức mong muốn một cơ chế tuyển dụng công bằng, cơ chế quản lý phù hợp với đặc thù hoạt động nghề của trí thức, cơ chế sử dụng trí thức thể hiện được sự tôn trọng, tôn vinh đối với những trí thức có cống hiến thực sự.

“Tuyển dụng phải công bằng, phải thực chất; Bố trí công việc phải đúng người đúng việc; Quản lý không nên cứng nhắc nên quản lý theo công việc” (N.T.H., nữ 36 tuổi, nghiên cứu viên).

“Cái tư duy bao cấp về quản lý, về đánh giá... vẫn còn rất nặng nề. Phải để trí thức tự do và phải quản lý đúng cái nghề, đúng cái chất họ đang có để sử dụng vào các hoạt động có lợi cho cộng đồng” (L.Đ.H., nam, 50 tuổi, phóng viên).

Trí thức là những người có năng lực rất cần được lãnh đạo tin dùng, trọng dụng. *“Nếu các thủ trưởng biết quan tâm, biết tôn trọng hay tôn vinh, biết cầu thị thì rõ ràng anh trí thức phấn khởi làm việc, cống hiến hết mình”* (H.N., nam, 65 tuổi, cán bộ hưu trí).

2.2. Mong muốn, nguyện vọng của trí thức về điều kiện vật chất, phương tiện, máy móc làm việc

Điều kiện làm việc luôn được người lao động trí óc nói riêng, người lao động nói chung quan tâm vì điều kiện làm việc liên quan đến sự thuận tiện cá nhân, song đồng thời nó cũng là nhân tố giúp họ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đặc biệt, đối với trí thức - những người lao động trí óc phương tiện, máy móc làm việc, điều kiện vật chất là một yếu tố ảnh hưởng rất nhiều đến hiệu quả, năng suất lao động của họ.

Điều kiện vật chất, phương tiện làm việc của trí thức bao gồm những gì? Điều kiện vật chất trước hết phải kể đến không gian làm việc: Phòng làm việc cùng một số trang thiết bị cần thiết khác như bàn ghế, tủ tài liệu, máy tính... Song, đây chưa phải là điều kiện làm việc quan trọng nhất. Nếu như đối với người lao động chân tay, phương tiện làm việc chủ yếu là máy móc, dụng cụ lao động; thì đối với người lao động trí óc, phương tiện làm việc chủ yếu là sách báo tài liệu, hệ thống thông tin trí thức chuyên môn... Đây là điều kiện làm việc không thể thiếu được của trí thức. Ngoài ra, tùy theo đặc thù của từng lĩnh vực hoạt động nghề, điều kiện vật chất, phương tiện làm việc còn bao gồm một số máy móc, trang thiết bị chuyên dụng khác. Ví dụ: Đối với giảng viên là đồ dùng dạy học, thiết bị trình chiếu; Đối với phóng viên là máy ảnh, máy quay phim, máy ảnh... Đặc biệt, một số ngành trong nghiên cứu khoa học tự nhiên, công nghệ và ứng dụng không thể thiếu được những máy móc, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng, nguyên vật liệu...

Điều kiện làm việc của trí thức Việt Nam hiện nay ra sao? Theo đánh giá của trí thức trong những nghiên cứu của chúng tôi, một số lượng không nhỏ trí thức (hơn 40%) không hài lòng về điều kiện, phương tiện làm việc hoặc cho rằng thiếu điều kiện phương tiện làm việc. Điều kiện làm việc chưa đầy đủ dẫn đến hiệu quả làm việc chưa cao. Về vấn đề này, ông Trần Anh Tuấn, Vụ trưởng Vụ Công chức, viên chức - Bộ Nội vụ từng phát biểu:

"Dù trong những năm đổi mới, chúng ta đã phát triển tương đối nhưng vẫn chưa tạo được điều kiện cho đội ngũ trí thức phát triển: Tiền lương hạn chế, cơ sở kỹ thuật hạn chế, điều kiện làm việc hạn chế. Do đó, đáng lẽ có thể làm được 10 phần nhưng chúng ta chỉ làm được 5 - 6 phần" (dẫn theo VTC News, ngày 29/8/2008).

Do vậy, trí thức mong muốn "một điều kiện làm việc tránh cho họ cái cảnh phải "khuấy nước nên hồ" Trả lời phỏng vấn sâu về vấn đề này, T.H., một nữ giáo viên cho rằng: Phải có kinh phí phục vụ nghiên cứu; Tạo mọi điều kiện tốt cho nghiên cứu như tài liệu, tham quan, giao lưu, học hỏi, hội thảo nước ngoài...

Điều kiện làm việc là một trong những yếu tố quyết định chất lượng làm việc của trí thức, đặc biệt là nghiên cứu viên. Đó cũng là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới việc thu hút nhân tài, trí thức Việt Nam ở nước ngoài về nước làm việc. Để cải thiện điều kiện làm việc hiện nay, trí thức mong muốn Nhà nước cần đầu tư mạnh mẽ hơn nữa cho nghiên cứu khoa học, trong đó có việc mua sắm các trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, xây dựng những phòng thí nghiệm hiện đại...

2.3. Mong muốn, nguyện vọng của trí thức về vấn đề sử dụng kết quả lao động

Chất lượng kết quả làm việc của trí thức như trên đã phân tích phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố cả chủ quan và khách quan. Trong thời gian qua, những bất cập trong cơ chế, chính sách, sự yếu kém một bộ phận trí thức... đã làm hạn chế chất lượng sản phẩm lao động của trí thức. Về phía khách quan, đó là chế độ đãi ngộ chưa phù hợp, lương còn thấp, mức độ đầu tư cho nghiên cứu khoa học chưa thỏa đáng, cơ chế quản lý cứng nhắc... Về phía chủ quan, đó là trình độ chuyên môn của trí thức còn hạn chế, tầm nhìn kém, làm việc nặng tính chất kinh viện, chưa tâm huyết với nghề... Do đó, sự đóng góp của trí thức đối với nước nhà chưa được công chúng, cũng như các chuyên gia đánh giá cao.

Trong tọa đàm bàn tròn với chủ đề "Trí thức đóng góp bao nhiêu phần trăm cho sự phát triển kinh tế đất nước", TS. Nguyễn Văn Nam, nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu Thương mại nhận định: *"Nhìn ở góc độ chuyên gia nghiên cứu kinh tế, tôi cho rằng sự đóng góp của lực lượng trí thức rất thấp, giới lắm chỉ được 10%"* Tương tự, TS. Lê Đăng Doanh phát biểu: *"Nói định*

lượng trí thức đóng góp bao nhiêu phần trăm là khó, không dám nói là chưa nổi bật nhưng còn dưới tiềm năng, dưới yêu cầu, đòi hỏi của đất nước” TS. Trần Việt Hùng, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, công nghệ và Môi trường cũng cho rằng: *“Các sản phẩm nổi bật thể hiện sự đầu tư chất xám ở Việt Nam ít”* (dẫn theo VTC News, ngày 29/01/2009).

Song đóng góp ít không phải là mong muốn của trí thức. Những người trí thức có trách nhiệm luôn muốn được cống hiến, được là người có ích cho mọi người, cho xã hội. Trong nghiên cứu của chúng tôi, được là người có ích cho mọi người, cho xã hội là điều khiến trí thức cảm thấy hạnh phúc, chỉ xếp sau cuộc sống gia đình hòa thuận, êm ấm.

“Có ích cho mọi người, cho xã hội thể hiện qua những đóng góp trong lĩnh vực chuyên môn của mình cho xã hội. Những sản phẩm lao động của mình có ý nghĩa trong thực tiễn cuộc sống, giúp ích được cho mọi người. Thật buồn nếu như những kết quả nghiên cứu của mình sau khi nghiệm thu bị cho vào ngăn kéo và không ai sử dụng đến nữa. Thật buồn và cả tức giận nữa khi ai đó coi thường nghề nghiệp của mình, không đánh giá đúng giá trị sản phẩm lao động mà mình làm ra” (N.T.H., nữ, 34 tuổi, nghiên cứu viên).

Nghiên cứu của Lã Thị Thu Thủy (2006) về nhu cầu thành đạt của trí thức trẻ cho thấy, mong muốn được áp dụng tri thức vào thực tiễn cuộc sống được xếp ở vị trí thứ 3 trong số 6 mong muốn của trí thức trẻ. Gần 90% trí thức trẻ trong khảo sát của tác giả có mong muốn công việc của mình gắn liền với thực tiễn xã hội và mang lại lợi ích cho xã hội. Và cũng gần từng ấy người cho rằng, họ cố gắng phấn đấu để có thể đem lại điều gì đó có ích từ hoạt động nghề. Đó là một nguyện vọng chính đáng, có ý nghĩa nhân văn không chỉ của trí thức trẻ nói riêng, mà là mong muốn của trí thức ở mọi độ tuổi. Như vậy, người trí thức luôn mong muốn sản phẩm lao động của họ có ích cho xã hội, được sử dụng để phục vụ xã hội.

Mong muốn là như vậy, song trong thực tế hiện nay trí thức vẫn chưa hài lòng với cách sử dụng kết quả lao động. Cũng trong tọa đàm bàn tròn với chủ đề “Trí thức đóng góp bao nhiêu phần trăm cho sự phát triển kinh tế đất nước”, TS. Nguyễn Văn Nam phát biểu: *“Nhiều nghiên cứu Nhà nước đặt hàng, nghiệm thu rồi cũng chỉ “cất ngăn kéo” Nguyên nhân từ cả hai phía: Một mặt, nhà khoa học chưa lặn vào các công việc cụ thể; Mặt khác, Nhà nước, doanh nghiệp mỗi lần gặp khó khăn, cần gỡ bí lại chưa thực sự cầu thị nhà khoa học. Thậm chí nhiều kết quả nghiên cứu đã có lại bỏ qua rồi đi mua công nghệ của nước ngoài”* (dẫn theo VTC News, ngày 29/01/2009).

Nếu những sản phẩm của trí thức kém chất lượng không được sử dụng đã đành, song có những sản phẩm có chất lượng, chứa đựng nhiều tâm huyết của người trí thức vẫn chưa được đánh giá đúng mức, chưa được sử dụng một

cách có hiệu quả, dẫn đến sự lãng phí. Vì vậy, trí thức mong muốn các sản phẩm mình làm ra được đánh giá một cách công bằng, khách quan; được sử dụng có hiệu quả.

Có một số khác biệt giữa các nhóm trí thức có độ tuổi khác nhau: Nhóm trí thức trẻ dưới 40 tuổi (đặc biệt là nhóm 30 - 39 tuổi) đề cập nhiều nhất đến mong muốn đảm bảo thu nhập và đời sống. Đây là nhóm trong độ tuổi kết hôn nên nhu cầu đảm bảo cuộc sống là rất quan trọng. Trong khi đó, nhóm trí thức từ 40 tuổi trở lên lại quan tâm hơn đến chính sách đãi ngộ, chính sách tự do tư tưởng, điều kiện làm việc so với nhóm còn lại. Với kinh nghiệm làm việc, trí thức trưởng thành mong muốn chính sách đãi ngộ phù hợp với đóng góp, cống hiến của họ, mong muốn có một môi trường làm việc tự do, dân chủ hơn.

Một điều rất đáng quan tâm là trí thức đánh giá khả năng thực hiện những ước nguyện của họ như thế nào? Để có thể thu được các kết quả đánh giá của trí thức về vấn đề này, chúng tôi xây dựng thang đo gồm 7 mức độ với mức 1 là hoàn toàn không thể trở thành hiện thực và mức 7 là hoàn toàn có thể trở thành hiện thực. Có thể sơ đồ hoá thang đo này như sau:

1	2	3	4	5	6	7
Hoàn toàn không thể trở thành hiện thực						Hoàn toàn có thể trở thành hiện thực

Các số liệu thu được cho thấy, nhìn chung trí thức tin rằng, những ước nguyện của họ có nhiều khả năng trở thành hiện thực, tuy nhiên niềm tin này không thật sự mạnh. Tùy từng ước nguyện, song khoảng từ 1/5 đến 1/3 số người có niềm tin ở mức trung bình; 1/3 đến gần 2/3 số người nghiêng về phía lạc quan nhiều hơn và khoảng 1/2 đến 1/3 số người nghiêng về phía ít lạc quan. Đặc biệt, trong 5 ước nguyện được nhiều người nêu ra nhiều nhất thì đánh giá của trí thức về khả năng hiện thực hoá những ước nguyện liên quan đến thu nhập và điều kiện làm việc kém lạc quan hơn so với những ước nguyện còn lại. Những đánh giá này thể hiện niềm tin của trí thức. Vì vậy những người có trách nhiệm cần quan tâm, có những giải pháp nâng cao niềm tin của họ.

Tóm lại, những mong muốn, ước nguyện thường là những điều muốn có song chưa đạt được. Hiện nay, những mong muốn, ước nguyện của trí thức chủ yếu liên quan đến công việc và xoay quanh vấn đề thu nhập, đãi ngộ và điều kiện làm việc. Tuy vậy, những trí thức ở các lứa tuổi khác nhau có những ước nguyện khác nhau. Đối với trí thức trẻ, đảm bảo thu nhập và cuộc sống là mong

muốn lớn nhất. Trong khi đó, điều kiện làm việc tốt còn cần thiết hơn đối với nhóm trí thức lớn tuổi hơn.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Hoa (chủ nhiệm), *Một số vấn đề cơ bản về tâm lý của trí thức Việt Nam hiện nay*, Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ Viện Tâm lý học - Viện KHXH Việt Nam, 2005.
2. Lê Thị Thanh Hương (chủ nhiệm), *Nhân cách văn hoá trí thức Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế*, Số liệu khảo sát đề tài khoa học cấp Nhà nước mã số KX.03.11/06-10, 2008 - 2009.
3. Lê Thị Thanh Hương, Lã Thị Thu Thủy (chủ nhiệm), *Nghiên cứu một số đặc điểm tâm lý xã hội cơ bản của trí thức nước ta*, Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ Viện Tâm lý học - Viện KHXH Việt Nam, 2010.
4. Lê Ngọc Sơn, *Trí thức là người nắm bắt tương lai*, Nguồn: SVVN số 30/2008, Trích dẫn từ <http://vietsciences.org>, 2008.
5. Lã Thị Thu Thủy, *Nhu cầu thành đạt nghề nghiệp của trí thức trẻ*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, 2006.
6. Đặng Hùng Võ, *Thang giá trị của trí thức và trí thức*, Bài tham gia hội thảo khoa học "Đặc trưng nhân cách văn hoá trí thức Việt Nam trong tiến trình đổi mới, hội nhập quốc tế và các nhân tố tác động" do đề tài KX.03.11/06-10 tổ chức ngày 16/10/2009.